

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 07/2000/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2000

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số Điều về lao động theo Nghị định số 103/1999/NĐ-CP
ngày 10/09/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh,
cho thuê doanh nghiệp Nhà nước**

Thi hành Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/09/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước, sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số Điều về chính sách đối với lao động trong các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Người lao động làm việc trong doanh nghiệp tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước bao gồm:

- a) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
 - b) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn;
 - c) Lao động làm việc theo mùa vụ, theo một công việc nhất định mà thời hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm ;
 - d) Công nhân viên chức chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động;
- Kể cả lao động (thuộc các điểm a, b, c nói trên) đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ đang nghỉ chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh nghiệp.

II- THỜI GIAN LÀM VIỆC ĐỂ TRẢ TRỢ CẤP THÔI VIỆC, MẤT VIỆC VÀ HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐƯỢC TÍNH NHƯ SAU:

1. Thời gian làm việc theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 10 Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

2. Số năm làm việc cho Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 103/1999/NĐ-CP của Chính phủ là thời gian người lao động đã làm việc cho các doanh nghiệp Nhà nước, các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, đã hưởng chế độ xuất ngũ hoặc phục viên.

Cách tính thời gian làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

3. Thời gian người lao động được tính để chia số dư quỹ khen thưởng và phúc lợi quy định tại khoản 3 Điều 19, điểm e khoản 1 Điều 49, khoản 1 Điều 53, Nghị định 103/1999/NĐ-CP của Chính phủ là thời gian người lao động làm việc tại doanh nghiệp đó đến thời điểm có quyết định giao, bán, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước. Cách tính thời gian làm việc theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

III- PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG:

1. Phân loại lao động và phương án sử dụng lao động tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 12; khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 38; khoản 1 Điều 40 Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ, như sau:

a) Số lao động trong doanh nghiệp tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp được phân loại và ghi vào biểu tổng hợp theo mẫu kèm theo Thông tư này.

b) Mỗi loại lao động theo điểm a nói trên được lập thành danh sách chi tiết để giải quyết chế độ .

2. Phương án sử dụng lao động quy định tại điểm b khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 16; khoản 1 Điều 21; điểm c khoản 5, điểm a khoản 7 và điểm a khoản 8 Điều 36; khoản 1 Điều 12; điểm đ Điều 42 của Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ do người được giao, người mua, người nhận khoán, người thuê lập

dựa trên hướng phát triển của doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên (người sử dụng lao động và người lao động) theo pháp luật lao động quy định.

IV- CÁC CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG:

1. Trường hợp doanh nghiệp tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định 103/1999/NĐ-CP của Chính phủ thì doanh nghiệp trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động. Riêng những người lao động có thời gian làm việc trước khi giao doanh nghiệp thì thời gian đó được hưởng trợ cấp thôi việc theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động; nguồn chi trả, thủ tục chi trả theo quy định tại Quyết định số 177/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chế độ đối với người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 21; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 40 của Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ, được giải quyết như sau:

a) Đối với người lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hưu trí thì giám đốc doanh nghiệp và cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan bảo hiểm xã hội) làm đầy đủ thủ tục và giải quyết chế độ theo quy định hiện hành.

b) Đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động (kể cả người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động) thì chính sách đối với người lao động được giải quyết như sau:

- Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đối với thời gian người lao động đã làm việc tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ .

- Đối với thời gian trước đó người lao động đã làm việc cho khu vực nhà nước mà chưa được nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc thì được tính để được nhận trợ cấp thôi việc. Nguồn chi trả và thủ tục chi trả theo quy định tại Quyết định số